|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT**  *Họ và tên học sinh: .......................................*  *Lớp:....................................* | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ I**  **MÔN TOÁN LỚP 2**  **NĂM HỌC 2016 - 2017**  Thời gian làm bài 40 phút không kể giao đề |

***Điểm Lời phê của cô giáo***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

***Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng***

**Câu 1**: Số lớn nhất có hai chữ số là :

A. 10 B. 90 C. 99 D. 98

**Câu 2** : Số liền trước của 90 là số:

A. 10 B. 99 C. 89 D. 91

**Câu 3:**  Kết quả của phép cộng 39 dm với 31 dm là:

A. 70 B. 70dm C. 7dm D . 8dm

**Câu 4**: Nam có 12 viên bi, Nam có nhiều hơn Bảo 6 viên bi. Hỏi Bảo có bao nhiêu viên bi?

A. 6 viên bi B. 18 viên bi C. 5viên bi D. 15 viên bi

**Câu 5**: Cho các chữ số 1; 3; 5. Từ các chữ số đã cho viết được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau.

A. 9 số B. 6 số C. 3số D. 27 số

**Câu 6**: Số hình chữ nhật trong hình vẽ là:

A. 4 B. 5 C. 8 D. 9 

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1**: Đặt tính và tính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 52 + 38  .............................  .............................  .............................. | 8 + 74  ............................  ............................  ............................ | 92 - 64  ...............................  .............................. .............................. | 60 - 18  .............................  .............................  ............................. |

**Câu 2**: Tìm x

|  |  |
| --- | --- |
| 46 + *x* = 100  .........................................  .........................................  ......................................... | *x*  - 24 = 37  .........................................  .........................................  ......................................... |

**Câu 3**: Mảnh vải màu xanh dài 36dm, mảnh vải màu đỏ ngắn hơn mảnh vải màu xanh 7dm. Hỏi mảnh vải màu đỏ dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải

….........

….........

…..............................................................................................................................................................

**Câu 4:** Một cửa hàng đồ chơi có 64 ô tô và máy bay, trong đó có 36 máy bay. Hỏi cửa hàng đó có bao nhiêu ô tô?

Bài giải

….........

….........

…..............................................................................................................................................................

**Câu 5:** Hiện nay mẹ 29 tuổi, con ít hơn mẹ 22 tuổi. Hỏi sang năm con bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên giáo viên coi  ..............................................................  .............................................................. | Họ và tên giáo viên chấm  ..............................................................  .............................................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** | **BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ I**  **MÔN TOÁN LỚP 2**  **NĂM HỌC 2016 - 2017** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** ( 3 điểm)

Học sinh khoanh vào mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1: C | Câu 2: C | Câu 3: B |
| Câu 4: A | Câu 5: B | Câu 6: D |

**II. PHẦN VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN** ( 7 điểm)

**Câu 1:** (2 điểm ) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.

**Câu 2: (**1 điểm) Mỗi phần đúng được 0,5 điểm.

**Câu 3: (**1,5 điểm).

**Câu 4**: ( 1,5 điểm)

**Câu 5:**( 1 điểm) Bài giải

Tuổi con hiện nay là: ( 0,25 điểm)

29 – 22 = 7 (tuổi) ( 0,25 điểm)

Sang năm tuổi con là: ( 0,25 điểm)

7 + 1 = 8 (tuổi) ( 0,25 điểm)

Đáp số : 8 tuổi

**Lưu ý:**

1. Bài trình bày chưa sạch đẹp, viết xấu, gạch xóa… trừ tối đa 1 điểm trình bày.

2. Học sinh làm cách khác, đúng vẫn cho điểm tối đa.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** | **BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ I**  **MÔN TOÁN LỚP 2**  **NĂM HỌC 2016 - 2017** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** ( 3 điểm)

Học sinh khoanh vào mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1: C | Câu 2: C | Câu 3: B |
| Câu 4: A | Câu 5: B | Câu 6: D |

**II. PHẦN VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN** ( 7 điểm)

**Câu 1:** (2 điểm ) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm.

**Câu 2: (**1 điểm) Mỗi phần đúng được 0,5 điểm.

**Câu 3: (**1,5 điểm).

**Câu 4**: ( 1,5 điểm)

**Câu 5:**( 1 điểm) Bài giải

Tuổi con hiện nay là: ( 0,25 điểm)

29 – 22 = 7 (tuổi) ( 0,25 điểm)

Sang năm tuổi con là: ( 0,25 điểm)

7 + 1 = 8 (tuổi) ( 0,25 điểm)

Đáp số : 8 tuổi

**Lưu ý:**

1. Bài trình bày chưa sạch đẹp, viết xấu, gạch xóa… trừ tối đa 1 điểm trình bày.

2. Học sinh làm cách khác, đúng vẫn cho điểm tối đa.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT**  **Điểm**  Đọc: ................  Viết: ...............  TB: ................. | **BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I**  **MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2**  **NĂM HỌC 2016 - 2017** |

*Họ và tên học sinh: ……………………………….*

*Lớp:………………………….*

**PHẦN KIỂM TRA ĐỌC**

**I. Đọc thầm và làm bài tập:** *(Thời gian**20 phút)*

**Bài đọc: “ *Người mẹ hiền*”** (Tiếng Việt 2 tập 1 – trang 63) khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng và làm bài tập theo yêu cầu dưới đây:

**Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất**.

**a.** Giờ ra chơi, Minh và Nam định ra phố bằng cách nào?

A. Trèo qua tường.

B. Chui qua chỗ tường thủng.

C.Trốn qua lối cổng trường.

**b.** Khi Nam bị bác bảo vệ giữ lại, cô giáo đã làm gì?

A. Cô nói với bác bảo vệ: “ Bác nhẹ tay kẻo cháu đau. Cháu này là học sinh lớp tôi.”.

B. Cô đỡ Nam ngồi dậy, phủi đất cát dính bẩn trên người em và đưa em về lớp.

C. Cả hai ý trên.

**Câu 2:** Cô giáo đã làm gì khi Nam khóc?

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

**Câu 3:**Viết một câu theo mẫu ***Ai làm gì?***

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

**Câu 4:** Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch chân trong các câu:

- Cô giáo dịu dàng, yêu thương học trò.

………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….

- Minh và Nam trở lại lớp xin lỗi cô giáo.

………………………………………………………………………………………….

**II. Đọc thành tiếng:** (Thời gian không quá 1,5 phút)

Học sinh đọc một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2**

**NĂM HỌC 2016 – 2017**

**PHẦN KIỂM TRA VIẾT**

I. Chính tả:

1. Bài viết: Bé Hoa

(Giáo viên đọc cho học sinh nghe viết đoạn chính tả “ Vặn to đèn…….bố nhé.”

*( Thời gian 15 phút)*

2. Bài tập: Điền “l”hay “n”? ( Thời gian 5 phút)

..…ắm xôi,…..ắm lời, …..óng nảy, …..óng ngóng

II. Tập làm văn: ( 5 điểm) *( Thời gian 25 phút)*

Đề bài: Hãy viết một đoạn văn kể về cô giáo cũ của em.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** |  |

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2**

**NĂM HỌC 2016 – 2017**

**PHẦN KIỂM TRA VIẾT**

I. Chính tả:

1. Bài viết: Bé Hoa

(Giáo viên đọc cho học sinh nghe viết đoạn chính tả “ Vặn to đèn…….bố nhé.”

*( Thời gian 15 phút)*

2. Bài tập: Điền “l”hay “n”? ( Thời gian 5 phút)

..…ắm xôi,…..ắm lời, …..óng nảy, …..óng ngóng

II. Tập làm văn: ( 5 điểm) *( Thời gian 25 phút)*

Đề bài: Hãy viết một đoạn văn kể về cô giáo cũ của em.

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** |  |

**HƯ­ỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2**

**NĂM HỌC 2016 - 2017**

**PHẦN KIỂM TRA ĐỌC**

**I. Đọc thầm và làm bài tập : (**5 điểm**)**

**Câu 1:** (2 điểm) mỗi ý đúng 1 điểm.

1. B
2. C

**Câu 2**: (1 điểm)

Khi Nam khóc cô xoa đầu Nam an ủi.

(Nếu HS viết thừa câu trả lời cho 0,5 điểm)

**Câu 3**: (1 điểm) Đặt câu đúng theo yêu cầu:1 điểm

Không viết hoa đầu câu trừ 0,25 điểm

Thiếu chấm cuối câu trừ 0,5 điểm.

**Câu 4:** (1 điểm) Đặt câu hỏi đúng mỗi ý 0,5 điểm. Nếu không viết hoa đầu câu, thiếu dấu hỏi chấm hoặc sai dấu câu mỗi ý trừ 0,5 điểm.

- Cô giáo thế nào?

- Minh và Namlàm gì?

**II. Đọc thành tiếng: ( 5 điểm)** Thời gian 1,5 phút/học sinh

Học sinh đọc một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của của giáo viên. (Thời gian 1,5 phút)

Bài 1: Người thầy cũ (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 56) - Đọc đoạn 3

- Dũng nghĩ gì khi bố đã ra về?

Bài 2: Sáng kiến của bé Hà (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 78) - Đọc đoạn 3

- Hà đã tặng ông bà món quà gì?

Bài 3: Bà cháu (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 86) - Đọc đoạn 1

- Trước khi gặp cô tiên, ba bà cháu sống như thế nào?

Bài 4: Quà của bố (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 106) - Đọc đoạn 1

- Quà của bố đi câu về có những gì?

Bài 5: Con chó nhà hàng xóm (Tiếng Việt 2, tập 1, trang 128) - Đọc đoạn 4

- Cún đã làm cho Bé vui như thế nào?

**\* Hư­ớng dẫn chấm**

**1. Đọc thành tiếng:** ( 4 điểm)

- Học sinh đọc đúng tiếng, từ, đọc l­ưu loát, không ngọng, ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa, giọng đọc b­ước đầu có biểu cảm, tốc độ đọc đạt yêu cầu cho từ 3,5 - 4 điểm.

- Học sinh đọc đúng tiếng, từ, không ngọng, ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, đúng tốc độ chư­a lư­u loát cho từ 3-3,5 điểm.

- Tuỳ mức độ học sinh đọc sai, thiếu, thừa tiếng, còn ngọng, chư­a l­ưu loát, ngắt nghỉ hơi ch­ưa đúng chỗ, giọng đọc nhỏ, chư­a thể hiện rõ tính biểu cảm, tốc độ đọc còn chậm cho 2,5 - 2 - 1,5 - 1 - 0,5 điểm

**2. Trả lời câu hỏi:** ( 1 điểm)

**Gợi ý trả lời câu hỏi:**

Bài 1: Người thầy cũ

- Dũng nghĩ: Bố cũng có lần mắc lỗi, thầy không phạt, nhưng bố vẫn nhận đó là hình phạt để nhớ mãi và không bao giờ mắc lại.

Bài 2: Sáng kiến của bé Hà

- Hà tặng ông bà chùm điểm mười.

Bài 3: Bà cháu.

- Trước khi gặp cô tiên, ba bà cháu sống nghèo khổ nhưng rất thương nhau.(ba bà cháu sống nghèo khổ nhưng cảnh nhà lúc nào cũng đầm ấm.)

Bài 4: Quà của bố

-Quà của bố đi câu về có: cà cuống, niềng niễng, hoa sen, cá sộp, cá chuối.

Bài 5: Con chó nhà hàng xóm

- Cún chơi với Bé, mang cho Bé tờ báo, cái bút chì, con búp bê.

**PHẦN KIỂM TRA VIẾT**

**I. Chính tả:** ( 5 điểm)

1. Bài viết: 4 điểm

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn, đúng độ cao, khoảng cách, đúng mẫu chữ quy định, sạch đẹp cho 4 điểm.

- Học sinh viết sai về phụ âm đầu, vần, dấu, thanh, không viết hoa đúng quy định, thừa thiếu tiếng… cứ hai lỗi trừ 1 điểm.

2. Bài tập: (1 điểm)

Điền l hay n: nắm xôi, lắm lời, nóng nảy, lóng ngóng

Điền đúng mỗi chỗ chấm được 0,25 điểm.

**II. Tập làm văn:( 5 điểm)**

- HS giới thiệu được về cô giáo cũ định kể. (1 điểm)

- Kể được một vài nét về cô giáo cũ. (1 điểm)

- Kể được tình cảm của cô giáo dành cho mình và tình cảm của mình dành cho cô. (1 điểm)

- Biết liên kết các câu văn thành một bài văn hoặc đoạn văn hoàn chỉnh. (1 điểm)

- Các câu văn diễn đạt rõ ràng, có hình ảnh. (1 điểm)

- Học sinh viết đúng đối tượng yêu cầu, có câu mở, câu kết,dùng từ hợp lí, viết câu đúng ngữ pháp, đủ ý, rõ ràng, có sự liên lết, bài viết có sử dụng các từ gợi tả, biểu lộ tình cảm…; không mắc lỗi chính tả trình bày sạch đẹp cho từ 4,5-5 điểm.

- Tuỳ mức độ sai sót về ý, về diễn đạt, dùng từ, chữ viết, câu văn có thể cho mức điểm 4 - 3,5 - 3 - 2,5 - 2 - 1,5 - 1- 0,5 điểm.

**\* Bài viết sai nhiều lỗi chính tả, xấu, bẩn trừ tối đa 1 điểm trình bày.**